

Bản án số: 30/2024/DS-ST

Ngày: 07-6-2024

*“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Cao Diễm.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Nguyễn Chí Công;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2024/TLST-DS, ngày 06/10/2023, về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐST-DS ngày 08/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2024/QĐST-DS ngày 23/5/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Lê H, sinh năm: 1963 . Địa chỉ: 7 xã Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Lê A, sinh năm: 1969. Địa chỉ: xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Lê H trình bày:

Vào ngày 05/8/2014 bà A có vay của ông H số tiền 10.000.000đ để đáo hạn ngân hàng có làm biên nhận, thời gian 02 ngày, có thoả thuận miệng lãi 1.000.000đ là 2000đ hay 3000đ ông H không nhớ rõ nhưng từ đó đến nay bà A không đóng lãi hay trả vốn cho ông H, từ khi vay đến nay thì ông H có gặp bà A một hai lần gì đó để nói về số tiền này nhưng không nhớ thời gian nào rồi đến khi khởi kiện thì ông H mới liên hệ được với bà A chứ từ đó đến nay ông H không liên hệ gì được bà A và cũng không có biện pháp nào để gặp bà A nói về số tiền này, khi vay có thể chấp 01 giấy chứng nhận QSD đất thửa 94, tờ bản đồ 22. Nay Lê H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê A trả cho Lê H số tiền nợ vay vốn 10.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 05/8/2014 đến ngày 05/9/2023 là 109 tháng $\times 0,83\% \times 10.000.000đ = 9.047.000$ đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 19.047.000 đồng. Lê H đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận QSD đất thửa 94 tờ bản đồ số 22 cho Lê A.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn Lê A trình bày:

Bà A thừa nhận vào ngày 05/8/2014 bà A có vay của ông H số tiền 10.000.000đ có làm biên nhận, thời hạn 02 ngày, có thoả thuận miệng lãi 1.000.000đ là 5000đ để đáo hạn ngân hàng nhưng tại thời điểm đó bà A đã vay ngân hàng xong và đã trả cho ông H xong số tiền này nhưng quên không có lấy lại biên nhận, bà A cũng không nhớ có thể chấp giấy chứng nhận hay không, nay đã hơn 10 năm rồi thì ông H mới khởi kiện bà A mới biết chứ đó giờ ông H cũng không liên lạc hay tìm bà A để nói về số tiền này nên nay bà A đồng ý trả cho ông H số tiền vốn 10.000.000đ không đồng ý trả lãi, bà A yêu cầu xem xét lại thời hiệu khởi kiện vì đã 10 năm rồi nên chỉ đồng ý trả vốn. Đối với giấy chứng nhận QSD đất thửa 94 tờ bản đồ số 22 bà A đồng ý nhận lại giấy chứng nhận QSD đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Lê H khởi kiện yêu cầu Lê A trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Lê H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê A trả cho Lê H số tiền nợ vay vốn 10.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 05/8/2014 đến ngày 05/9/2023 là 109 tháng $\times 0,83\% \times 10.000.000đ = 9.047.000$ đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 19.047.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm.”*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn ông Lê H xác định cho bà Lê A vay từ năm 2014, thời hạn vay 02 ngày nhưng từ đó đến nay bà A không trả vốn và lãi cho ông H như vậy ông H biết quyền lợi ích của mình bị xâm phạm từ năm 2014 nhưng ông H không khởi kiện bà A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì vậy thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng là đã hết, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về quyền đòi lại tài sản quy định tại Điều 166 của bộ Luật Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Lê H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Lê A trả cho Lê H số tiền nợ vay vốn 10.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 05/8/2014 đến ngày 05/9/2023 là 109 tháng $\times 1,5\% \times 10.000.000đ = 16.350.000$ đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 26.350.000 đồng. Lê H đồng ý trả lại 01 giấy chứng nhận QSD đất thửa 94 tờ bản đồ số 22 cho Lê A.

Như đã phân tích ở trên xét thấy ông H chỉ có quyền yêu cầu đòi lại tài sản của ông đối với số tiền 10.000.000đ nay bà A cũng đồng ý tự nguyện trả cho ông H có tiền vốn 10.000.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà A đồng ý trả cho ông H số tiền 10.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ông Lê H đồng ý trả lại 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng số BC 376750 số vào sổ cấp GCN: CH00487 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ bà Lê A; ông Phùng Văn Giang nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Đối với tiền lãi: Do bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu như đã phân tích ở trên thì nguyên đơn chỉ có quyền đòi lại tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét phần lãi.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Lê H.
2. Buộc bà Lê A trả cho ông Lê H số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ông Lê H đồng ý trả lại 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng số BC 376750 số vào sổ cấp GCN: CH00487 do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ bà Lê A; ông Phùng Văn Giang.

5. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Bà Lê A phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lê H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/6/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Diễm